

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 153/2025/DS-ST

Ngày: 19 - 6 - 2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1394/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần S có ngay.

Địa chỉ trụ sở: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Kanokwatpaisal N** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Hoàng L**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ liên hệ: 258 Quốc lộ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh

Đồng Nai. (Theo Giấy ủy quyền số 471/2024/UQ-SVN ngày 01 tháng 12 năm 2024)

- Bị đơn: Ông **Đinh Văn T**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ thường trú: Tổ B, ấp H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay trình bày:

Vào ngày 05 tháng 8 năm 2020, ông Đinh Văn T có đến Công ty Cổ phần S có ngay để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: PVM200801004NA13X được ký giữa các bên ngày 05 tháng 8 năm 2020 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống .

Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1342136665 theo website: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>

Ông Đinh Văn T có ký hợp đồng cầm cố tài sản là:

+ 01 xe mô tô hai bánh BKS 60B1-984.02

+ Loại xe HONDA Airblade 125cc Fi Màu: ĐỎ TRẮNG ĐEN

+ Số khung 4603DY526504 - Số máy JF46E4053518

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 253562, do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 20 tháng 3 năm 2013.

Đề lấy số tiền là 15.000.000đ (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 05 tháng 9 năm 2020 đến 05 tháng 8 năm 2021) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng, phí quản lý hồ sơ cố định: bằng 1.9%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày kí hồ sơ và nhận tiền.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký, Công ty đã chuyển khoản đầy đủ số tiền trên cho ông Đinh Văn T. Do nhu cầu cần có xe đi lại, sử dụng hàng ngày nên ông Đinh Văn T có làm giấy xin mượn lại xe và phía công ty đã đồng ý thông qua việc kí kết giữa 02 bên trên Giấy Mượn Xe. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe là 30 ngày từ 05 tháng 8 năm 2020 đến hết 05 tháng 9 năm 2020, địa điểm trả xe là tại chi nhánh B 01, ông Đinh Văn T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, ông Đinh Văn T đã thanh toán cho Công ty T1:

8.347.000 đồng. Ông Đinh Văn T chưa thanh toán kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2021, cho đến nay đã quá hạn hợp đồng 1.581 ngày nhưng ông Đinh Văn T không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Đinh Văn T tại địa chỉ: E, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, nhưng đều không gặp. Theo thông tin biết được thì ông Đinh Văn T và gia đình vẫn còn sinh sống và làm việc tại địa phương. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông Đinh Văn T trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty, nhưng ông Đinh Văn T không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty.

Từ nội dung sự việc trên, có thể khẳng định ông Đinh Văn T đã có hành vi cầm cố tài sản cho Công ty, nhận được tiền thông qua hợp đồng cầm cố, Công ty đã tạo điều kiện cho ông T mượn lại xe để sử dụng nhưng sau đó khi đến hạn thì ông Đinh Văn T không thanh toán theo hợp đồng hoặc trả lại xe cho công ty mà chiếm đoạt tài sản Công ty. Công ty quyết định khởi kiện ông Đinh Văn T ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật. Công ty Cổ phần S có ngay yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Buộc ông Đinh Văn T phải thực hiện nghĩa vụ phải thanh toán số tiền 33.447.794 (Ba mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi bốn nghìn) tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2025 bao gồm:

- + Nợ Gốc Còn Lại tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2025: 9.713.405 đồng.
- + Lãi trong hạn tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2025: 446.579 đồng.
- + Phí quản lý hồ sơ cố định tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2025: 1.420.932 đồng.
- + Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2025: 21.866.878 đồng.

Ngoài ra, ông Đinh Văn T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, các phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần S có ngay rút yêu cầu khởi kiện đối với Phí quản lý hồ sơ cố định và nợ lãi quá hạn, chỉ yêu cầu ông T thanh toán số tiền 10.159.984đ (Mười triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng) tính đến ngày 29 tháng 4 năm 2025 bao gồm:

- + Nợ Gốc Còn Lại tính đến 29 tháng 4 năm 2025: 9.713.405 đồng.
- + Lãi trong hạn tính đến 29 tháng 4 năm 2025: 446.579 đồng.

Ngoài ra kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2025 ông Đinh Văn T còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn ông Đinh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay về việc buộc bị đơn ông Đinh Văn T có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29 tháng 4 năm 2025 là 10.159.984đ (Mười triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng), (trong đó, nợ gốc là 9.713.405 đồng, lãi trong hạn là 446.579 đồng), lãi phát sinh từ ngày 30 tháng 4 năm 2025 theo thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản cho đến khi thanh toán hết nợ. Về án phí: Bị đơn ông Đinh Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tư cách tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Công ty Cổ phần S có ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Văn T, địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, trả tiền gốc và lãi theo Hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết giữa các bên. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 40, 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015, Công ty Cổ phần S có ngay

được xác định là nguyên đơn, ông Đinh Văn T được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hoàng L đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đinh Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc và lãi:

Theo lời khai và các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện: Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố số: PVM200801004NA13X ngày 05 tháng 8 năm 2020, Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S có ngay) đã cầm cố của ông Đinh Văn T tài sản là 01 xe mô tô hai bánh BKS 60B1-984.02; Loại xe HONDA Airblade 125cc Fi M: ĐỎ TRẮNG ĐEN; Số khung 4603DY526504 - Số máy JF46E4053518; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 253562, do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 20 tháng 3 năm 2013; Số tiền cầm cố là 15.000.000đ (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 05 tháng 9 năm 2020 đến 05 tháng 8 năm 2021); với mức lãi suất là 1,1%/ tháng, phí quản lý hồ sơ cố định: bằng 1.9%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hồ sơ và nhận tiền.

Sau khi ký kết hợp đồng cầm cố và nhận tiền, ông Đinh Văn T có làm giấy xin mượn lại xe mô tô nêu trên nên các bên ký kết Giấy mượn xe với nội dung thỏa thuận thời hạn mượn xe là 30 ngày từ 05 tháng 8 năm 2020 đến hết 05 tháng 9 năm 2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đinh Văn T đã thanh toán cho Công ty Cổ phần S có ngay tổng cộng gốc và lãi là 8.347.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2021 cho đến nay thì ông T không thanh toán gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho Công ty Cổ phần S có ngay và cũng không trả lại xe mô tô cho Công ty theo như thỏa thuận trong Giấy mượn xe. Công ty Cổ phần S có ngay khởi kiện yêu cầu ông Đinh Văn T có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29 tháng 4 năm 2025 là 10.159.984đ (Mười triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng), (trong đó, nợ gốc là 9.713.405 đồng, lãi trong hạn là 446.579 đồng),

lãi phát sinh từ ngày 30 tháng 4 năm 2025 theo thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản cho đến khi thanh toán hết nợ.

Theo kết quả xác minh tại địa phương, ông Đinh Văn T có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Tổ B, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay, ông T không còn sinh sống tại địa chỉ trên và đi đâu, làm gì và đi từ thời gian nào thì địa phương không rõ. Xét thấy, khi ký kết Hợp đồng cầm cố bị đơn ông Đinh Văn T có viết địa chỉ cụ thể vào Hợp đồng cầm cố, khi thay đổi địa chỉ ông T không thông báo cho Công ty biết nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Vì vậy khi giải quyết vụ án Tòa án đã căn cứ vào địa chỉ trong Hợp đồng cầm cố tài sản mà ông T đã ký kết với Công ty để giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đinh Văn T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên không cung cấp văn bản ý kiến và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, việc các bên ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản là tự nguyện, thỏa thuận giữa các bên phù hợp với các quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận của các bên. Vì vậy, việc nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đinh Văn T trả cho Công ty Cổ phần S có ngay tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29 tháng 4 năm 2025 là 10.159.984đ (Mười triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng), (trong đó, nợ gốc là 9.713.405 đồng, lãi trong hạn là 446.579 đồng), lãi phát sinh từ ngày 30 tháng 4 năm 2025 theo thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản cho đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp với các thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện về Phí quản lý hồ sơ và nợ lãi quá hạn:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, Công ty Cổ phần S có ngay yêu cầu ông Đinh Văn T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền Phí quản lý hồ sơ cố định tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2025 là 1.420.932 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2025 là 21.866.878 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần S có ngay đã rút các yêu cầu này. Xét thấy, việc rút các yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đinh Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên cần chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 40, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay đối với bị đơn ông Đinh Văn T về việc: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

Buộc bị đơn ông Đinh Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay tổng số tiền tính đến ngày 29 tháng 4 năm 2025 là 10.159.984đ (Mười triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng), (trong đó, nợ gốc là 9.713.405 đồng, lãi trong hạn là 446.579 đồng).

Kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong số tiền trên, bị đơn ông Đinh Văn T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản đã được ký kết giữa các bên.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay đối với bị đơn ông Đinh Văn T về yêu cầu nợ Phí quản lý hồ sơ và nợ lãi quá hạn.

3. Về án phí: Ông Đinh Văn T phải chịu 508.000đ (Năm trăm lẻ tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền 459.131đ (Bốn trăm năm mươi chín nghìn một trăm ba mươi một đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005682 ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Bảo